

Số: 2801 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 27 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết xây dựng tổng mặt bằng
Công trình: Khu di tích Cách mạng Núi Bà**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-CTUBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng tổng mặt bằng công trình Khu di tích cách mạng Núi Bà;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết xây dựng tổng mặt bằng Công trình: Khu di tích Cách mạng Núi Bà, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh thành phần cơ cấu sử dụng đất:

STT	Nội dung hạng mục, công trình	Thành phần cơ cấu sử dụng đất theo Quy hoạch đã phê duyệt tại Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh		Điều chỉnh, bổ sung	
		Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
1	Diện tích đất xây dựng công	741,00	3,15	457,78	1,94

STT	Nội dung hạng mục, công trình	Thành phần cơ cấu sử dụng đất theo Quy hoạch đã phê duyệt tại Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh		Điều chỉnh, bổ sung	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	trình				
2	Đất giao thông + Hạ tầng kỹ thuật	8.830,00	37,49	7.611,69	32,32
3	Đất trồng hoa và cây xanh	1.958,00	8,31	6.297,19	26,74
4	Đất xây dựng mái kè taluy	7.091,00	30,11	9.185,34	39,00
5	Diện tích cây rừng hiện trạng	4.932,00	20,94		
	Tổng cộng	23.552,00	100,00	23.552,00	100,00

2. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc sau điều chỉnh, bổ sung:

STT	Hạng mục/công trình	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất
	Tổng diện tích QH	23.552		100		
I	Đất công trình	457,78		1,94		
	Đất nhà bảo vệ + nhà vệ sinh	102,59	0,44		1	0,004
	Chòi vọng cảnh	48,71	0,21		1	0,002
	Nhà tưởng niệm	251,38	1,07		1	0,011
	Nhà soạn lễ	55,1	0,23		1	0,002
II	Đất giao thông + HTKT	7.611,69		32,32		
	Đất bãi đỗ xe	778,58	3,31		1	0,033
	Đất lối vào sân 1	444,23	1,89		1	0,019

STT	Hạng mục/công trình	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất
	Đất sân 1	465,3	1,98		1	0,020
	Đất sân 2	566,38	2,40		1	0,024
	Đất tường rào và sân 3	1602,05	6,80		1	0,068
	Đất sân 4	1323,14	5,62		1	0,056
	Đất đường giao thông phía Nam	854,23	3,63		1	0,036
	Đất bậc cấp 1	255,12	1,08		1	0,011
	Bậc cấp 2	185,09	0,79		1	0,008
	Bậc cấp 3	122,26	0,52		1	0,005
	Đất hành lang vận hành và hầm lọc	280,52	1,19		1	0,012
	Đất chưa sử dụng	185,87	0,79		1	0,008
	Mương nước + Bể nước	548,92	2,33		1	0,023
III	Đất cây xanh	6.297,19		26,74		
	Đất cây xanh đường bộ tông phía Nam	1264,72	5,37		1	0,054
	Đất sân 2	757,3	3,22		1	0,032
	Đất cây xanh tường rào và sân 3	1.297,02	5,51		1	0,055
	Đất cây xanh khu đối phía sau	2.038,36	8,65		1	0,087
	Đất cây xanh sân 1	939,79	3,99		1	0,040

STT	Hạng mục/công trình	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất
IV	Đất mái taluy	9.185,34		39,00		

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung, vẫn giữ nguyên và tổ chức thực hiện theo Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa và Thể thao, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Cát Tiến và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V1, V5, V8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Lịch